TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Phạm Mạnh Hùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc A; nơi cư trú: số **X HL, phường HL, quận HB,** thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Hồng B; nơi cư trú: 773 BDS, Ga XXX-YYY GW, Hoa Kỳ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Hồng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/01/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống ở Việt Nam khoảng 05 năm và sinh được hai con gái. Năm 2011, cả gia đình anh A được chị

gái anh A bảo lãnh sang Hoa Kỳ sinh sống. Đến năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh A đã trở về Việt Nam sinh sống và không quay lại Hoa Kỳ nữa, chị B và hai con gái vẫn sinh sống ở Hoa Kỳ cho đến nay. Khi trở về Việt Nam, anh A cũng đã cố gắng liên lạc để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trịnh Hồng B để hai anh chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc C sinh ngày 26/01/2007 và cháu Nguyễn Ngọc D sinh ngày 22/12/2009, hiện đang sống cùng chị B ở Mỹ. Ly hôn, anh A và chị B thống nhất sẽ giao hai con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn chị Trịnh Hồng B trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/01/2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở Việt Nam khoảng 05 năm và sinh được hai con gái. Năm 2011, vợ chồng chị và hai con được chị gái anh A bảo lãnh sang Hoa Kỳ sinh sống. Đến năm 2019, anh A trở về Việt Nam sinh sống và không quay lại Hoa Kỳ nữa, chị B và hai con gái vẫn sinh sống ở Hoa Kỳ cho đến nay. Nay vợ chồng mỗi người sống một nơi đã lâu, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên anh chị đã thống nhất ly hôn để giải phóng cho nhau, mỗi bên tự ổn định cuộc sống của riêng mình. Do đó việc anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B, chị B hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 26/01/2007 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/12/2009, hiện đang sống cùng chị B ở Mỹ. Ly hôn, chị B và anh A thống nhất sẽ giao hai con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc A hiện nay đang sinh sống ở Hải Phòng, bị đơn là chị Trịnh Hồng B hiện nay đang sinh sống tại Hoa Kỳ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc A, bị đơn là chị Trịnh Hồng B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc A, chị Trịnh Hồng B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Trịnh Hồng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/01/2006. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của anh A và chị B, nhận thấy tình cảm giữa hai anh chị không còn, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và đã ly thân trong một thời gian dài. Xét thấy hai anh chị đều xác định vợ chồng không thể đoàn tụ, đời sống hôn nhân không tồn tại, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A đối với chị Trịnh Hồng B.

[4] Về con chung: Ly hôn, chị B và anh A thống nhất sẽ giao hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 26/01/2007 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/12/2009 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Cháu Hiền và cháu Trang có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Xét thấy, yêu cầu về việc giao hai con chung của chị B và anh A phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận việc giao hai con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị B và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận việc anh chị tạm thời không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Trịnh Hồng B tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Trịnh Hồng B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2004;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc A được ly hôn chị Trịnh Hồng B.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 26/01/2007 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/12/2009 cho chị Trịnh Hồng B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc tạm thời không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Trịnh Hồng B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Ngọc A phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001520 ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Ngọc A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Trịnh Hồng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường An Biên, quận Lê Chân, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thúy Hà

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Hùng **Nguyễn Thanh Hải** **Bùi Thị Thúy Hà**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thúy Hà